VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ THỊ PHƯỢNG

DI SẢN VĂN HÓA TRONG BỐI CẢNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (NGHIÊN CỨU MỘT SỐ LÀNG Ở ĐÔNG ANH - HÀ NỘI)

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC

HÀ NỘI - 2026

Công trình được hoàn thành tại: Khoa Văn học - Văn hóa học - Việt Nam học, Học viện Khoa học xã hội.
Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Nguyễn Thị Yên**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện họp tại:.....
vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....
Có thể tìm hiểu luận án tại các thư viện:

Thư viện Quốc gia Việt Nam,

Trung tâm thông tin - thư viện, Học viện Khoa học xã hội.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Từ sau Đổi mới năm 1986, đặc biệt từ khi Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được triển khai từ năm 2010, nông thôn Việt Nam đã trải qua những biến đổi sâu sắc về hạ tầng, cảnh quan và đời sống kinh tế - xã hội, kéo theo sự thay đổi trong tổ chức không gian và đời sống văn hóa ở các cộng đồng làng xã. Trong quá trình đó, nhiều thiết chế, không gian và thực hành văn hóa truyền thống được điều chỉnh, tái cấu trúc hoặc định dạng lại nhằm phù hợp với các chuẩn mực về nông thôn văn minh, hiện đại và đạt chuẩn theo hệ thống tiêu chí của chương trình xây dựng nông thôn mới.

Trong bối cảnh này, di sản văn hóa không chỉ được nhìn nhận như những giá trị cần bảo tồn, mà còn trở thành nguồn lực biểu tượng, công cụ quản trị và thành tố trong các chiến lược phát triển và xây dựng hình ảnh của địa phương. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu về nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay chủ yếu tập trung vào khía cạnh kinh tế, hạ tầng và chuyển dịch cơ cấu sản xuất, trong khi các nghiên cứu tiếp cận di sản văn hóa như một quá trình được kiến tạo và thương thỏa giữa nhà nước và cộng đồng trong bối cảnh phát triển vẫn còn tương đối hạn chế. Nghiên cứu điền dã tại làng Kim và làng An (huyện Đông Anh, Hà Nội), luận án tập trung phân tích cách các giá trị văn hóa được nhận diện, kiến tạo, huy động và thương thỏa giữa nhà nước và cộng đồng trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở nông thôn Việt Nam đương đại nhằm trả lời hai câu hỏi: *Những di sản văn hóa được các chủ thể nhận diện, gán ý nghĩa và thực hành như thế nào trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới? Trong quá trình đó, các chủ thể đã tiếp nhận, vận dụng và thương thỏa với những tiêu chí và diễn ngôn của chương trình nông thôn mới ra sao?*

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Tìm hiểu quá trình duy trì, thực hành và diễn giải di sản văn hóa trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới qua nghiên cứu trường hợp một số làng ở huyện Đông Anh, Hà Nội, luận án phân tích cách các các giá trị, không gian, thiết chế và thực hành văn hóa được cộng đồng nhận diện, gán ý nghĩa, điều chỉnh và trao truyền. Trên cơ sở đó, luận án lý giải sự tương tác giữa các yêu cầu, định hướng của chương trình MTQGXDNTM với quá trình nhận diện, duy trì, thực hành và tái định hình di sản văn hóa.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên đây, luận án thực hiện các nhiệm vụ:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận và bối cảnh nghiên cứu.

- Phân tích các biểu hiện cụ thể của di sản văn hóa trong thực tiễn xây dựng nông thôn mới.

- Lý giải các cơ chế vận hành của chính sách và phản ứng đa dạng của cộng đồng.

- Làm rõ sự vận hành của các cấu trúc quyền lực - tri thức trong quá trình xác định và công nhận giá trị di sản.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu di sản văn hóa trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới, từ đó làm rõ cách các giá trị văn hóa được cộng đồng nhận diện, gán ý nghĩa, thực hành và điều chỉnh trong sự tương tác với những yêu cầu và chuẩn mực mới của chương trình MTQGXDNTM.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi thời gian: luận án nghiên cứu di sản văn hóa từ năm

2010 đến tháng 4 năm 2025, khi huyện Đông Anh cùng cả nước triển khai thực hiện Chương trình MTQGXDNTM. Tuy nhiên, trong những trường hợp cần thiết, phạm vi thời gian được đẩy xa hơn về quá khứ để có cơ sở so sánh các thực hành di sản trước và sau khi chương trình MTQGXDNTM được triển khai.

Phạm vi không gian: nghiên cứu được thực hiện tại làng Kim (phía tây nam) và làng An (phía bắc) của huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Đây là những tên gọi đã được mã hóa để chỉ hai ngôi làng nông nghiệp thuần túy ở ven đô Hà Nội. Nằm ở vị trị cửa ngõ, các làng này chịu tác động đồng thời của cả quá trình đô thị hóa và chương trình MTQGXDNTM. Đặc biệt, trong bối cảnh huyện Đông Anh triển khai thực hiện bộ tiêu chí hợp nhất xây dựng xã thành phường, huyện lên quận kết hợp với xây dựng nông thôn mới, các làng này đứng trước áp lực chuyển đổi mạnh mẽ.

Phạm vi nội dung: Luận án tập trung vào ba phương diện của thực hành di sản: thực hành di sản trong không gian làng, tập trung vào việc tổ chức lại cảnh quan và không gian cư trú, không gian công cộng, cũng như cách cộng đồng duy trì, tái tạo những biểu tượng và ý nghĩa văn hóa gắn với không gian làng; thực hành di sản gắn với các thiết chế văn hóa, tập trung vào quá trình khôi phục, kiến tạo ý nghĩa nghĩa và chức năng của các thiết chế văn hóa truyền thống cùng sự phục hồi của các nghi lễ liên quan; thực hành di sản trong đời sống văn hóa, tập trung vào một số phong tục tập quán và nghi lễ tiêu biểu, từ đó phân tích cách cộng đồng duy trì, điều chỉnh và thương thỏa giữa các thực hành truyền thống với những chuẩn mực mới trong xây dựng nông thôn.

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng cách tiếp cận liên ngành, kết hợp giữa Di sản học, Văn hóa học, Chính sách văn hóa. Trong đó, Văn hóa học là cách tiếp cận chủ đạo, xem xét di sản như một hiện tượng văn hóa mang tính động, được định hình và tái tạo thông qua các tương tác xã hội, chính sách và quan niệm của cộng đồng địa phương. Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính. Để đảm bảo nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu khoa học xã hội, nhằm bảo vệ quyền riêng tư đồng thời đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của nhiều người cung cấp thông tin, chúng tôi đã mã hóa và thay đổi tên các xã, các làng, tên cơ sở thờ tự (đình, đền, chùa, miếu,...), tên người cung cấp thông tin trong toàn bộ luận án. Tên các xóm, ngõ, cánh đồng, cầu quán, ao hồ được giữ nguyên để đảm bảo việc mô tả các không gian, cảnh quan và thực hành văn hóa. Để đảm bảo việc trích dẫn được nhất quán và thuận tiện cho việc theo dõi luận án, chúng tôi đã thay tên người cung cấp thông tin bằng một tên khác và tên này được sử dụng thống nhất trong toàn bộ luận án. Việc ẩn danh này không làm thay đổi đặc điểm, bối cảnh của đối tượng nghiên cứu, nội dung tư liệu thực địa cũng như các kết quả phân tích của luận án.

Để có những tư liệu cụ thể về các địa bàn nghiên cứu, chúng tôi đã thực hiện điền dã tại các làng từ năm 2022 đến năm 2025. Trong quá trình này, chúng tôi đã sử dụng nhiều phương pháp như quan sát tham dự, phỏng vấn sâu và phân tích, tổng hợp tư liệu để hoàn thiện luận án.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Đặt trong mối quan hệ với các nghiên cứu trước đây về di sản văn hóa, luận án này góp phần khẳng định rằng di sản không chỉ là những dấu tích của quá khứ, mà là một quá trình văn hóa - xã hội,

được kiến tạo, thương thảo và điều chỉnh trong đời sống đương đại. Thông qua việc phân tích sự tương tác giữa diễn ngôn của nhà nước về di sản và thực hành văn hóa của cộng đồng tại một số làng cụ thể ở ngoại thành Hà Nội, luận án góp phần mở rộng những thảo luận lý thuyết về di sản trong bối cảnh đương đại, từ đó làm rõ quá trình lựa chọn, tái cấu trúc di sản trong bối cảnh phát triển và hiện đại hóa nông thôn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần bổ sung vào việc nghiên cứu những vấn đề lý luận về di sản văn hóa dưới tác động của các chương trình phát triển cũng như quá trình hiện đại hóa, đô thị hóa nông thôn. Từ trường hợp nghiên cứu cụ thể, luận án cung cấp thêm một góc nhìn sống động về cách di sản văn hóa được đàm phán, thương thỏa và điều chỉnh cho phù hợp với các tiêu chí của chương trình MTQGXDNTM tại một số làng ở ngoại thành Hà Nội.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án là nguồn tham khảo hữu ích đối với các nhà quản lý trong việc xây dựng, hoạch định các đề án, khuyến nghị chính sách đối với di sản văn hóa trong các giai đoạn phát triển nông thôn trong tương lai. Đây cũng là một nguồn tài liệu tham khảo có giá trị thực tiễn đối với việc nghiên cứu, giảng dạy các phân môn về di sản văn hóa và phát triển nông thôn tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo.

7. Cấu trúc của luận án

Ngoài lời cam đoan, lời cảm ơn, mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận án được chia làm 5 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận và thực tiễn

Chương 2: Không gian làng trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới

Chương 3: Thiết chế văn hóa trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới

Chương 4: Thực hành văn hóa trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới

Chương 5: Di sản văn hóa trong kiến tạo hình ảnh nông thôn mới: diễn ngôn, quyền lực và sự thương thỏa.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

1.1 . Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Các nghiên cứu chung về di sản

1.1.1.1. Các nghiên cứu về di sản phê phán

Từ cuối thế kỷ XX, đặc biệt từ đầu những năm 2000, trong nghiên cứu di sản đã xuất hiện xu hướng tiếp cận phê phán, chuyển trọng tâm từ việc xem di sản như những giá trị cần bảo tồn sang việc phân tích các quá trình xã hội - chính trị thông qua đó các địa điểm, đối tượng và thực hành văn hóa trở thành di sản. Hướng tiếp cận này chú ý đến vai trò của các chủ thể khác nhau như nhà nước, cộng đồng địa phương, chuyên gia hay các tổ chức quốc tế, đồng thời làm rõ những lợi ích, ý nghĩa và quan hệ quyền lực gắn với quá trình di sản hóa. Một trong những học giả đặt nền tảng cho hướng nghiên cứu này là D. Lowenthal với các công trình *The Past is a Foreign Country* (1985) và *The Heritage Crusade and the Spoils of History* (1998). Trước đó, E. Hobsbawm và T. Ranger trong công trình *The Invention of Tradition* cũng chỉ ra rằng nhiều truyền thống tưởng chừng lâu đời thực chất được "phát minh" trong bối cảnh hiện đại nhằm phục vụ các mục tiêu chính trị và xây dựng bản sắc dân tộc. Quan điểm này góp phần khẳng định rằng di sản không phải là sự kế thừa tự nhiên từ quá khứ mà là kết quả của quá trình lựa chọn và thể chế hóa.

1.1.1.2. Các nghiên cứu về phát triển và di sản trong bối cảnh phát triển

Các nghiên cứu trong khoa học xã hội cho thấy phát triển không phải là một tiến trình trung lập mà là một diễn ngôn gắn với tri thức và quyền lực. Từ nền tảng lý thuyết của M. Foucault, nhiều học giả như Edward Said, A. Escobar, S. L. Pigg đã chỉ ra rằng diễn ngôn phát

triển sau Thế chiến II đã kiến tạo hình ảnh các xã hội "kém phát triển" như những đối tượng cần được cải tạo theo mô hình phương Tây. Các nghiên cứu của T. Li, E. Harms, R. Harwood tiếp tục cho thấy các chương trình phát triển không chỉ cải thiện kinh tế mà còn tái cấu trúc đời sống xã hội, chuẩn hóa các giá trị văn hóa và có thể làm biến đổi hoặc loại trừ các thực hành truyền thống. Trong bối cảnh Việt Nam sau Đổi mới, nhiều nghiên cứu (Malarney, Hy V. Lương, Kleinen, Endres, Roszko…) cho thấy sự phục hồi và tái cấu trúc các nghi lễ, lễ hội và thực hành văn hóa gắn với sự thay đổi chính sách nhà nước. Di sản vì thế không phải là thực thể tĩnh tại mà là quá trình thương lượng giữa nhà nước và cộng đồng, gắn với các mục tiêu phát triển, bản sắc và ký ức xã hội.

1.1.2. Các nghiên cứu về nông thôn mới và di sản văn hóa trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới

1.1.2.1. Các nghiên cứu về nông thôn mới

Các công trình nghiên cứu về nông thôn mới chủ yếu phân tích quan điểm, chính sách, vai trò của nhà nước và các tổ chức xã hội, đồng thời đánh giá thành tựu, hạn chế của chương trình. Trên bình diện quốc tế, nhiều nghiên cứu so sánh kinh nghiệm từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc… cho thấy phát triển nông thôn gắn với các chiến dịch hiện đại hóa và sự tương tác giữa nhà nước, thể chế và cộng đồng. Một số công trình gần đây cũng nhấn mạnh những tác động xã hội phức hợp của chương trình nông thôn mới và sự thích ứng linh hoạt của người dân nông thôn.

1.1.2.2. Các nghiên cứu về di sản văn hóa trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới

Các nghiên cứu về di sản văn hóa trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới thường tập trung vào hai hướng chính: vai trò của văn hóa

truyền thống và những biến đổi văn hóa trong quá trình phát triển nông thôn. Nhiều công trình cho thấy di sản văn hóa là nguồn lực quan trọng cho phát triển du lịch, kinh tế địa phương và phát triển bền vững nông thôn. Bên cạnh đó, các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng việc thực hiện các tiêu chí văn hóa trong chương trình nông thôn mới đôi khi còn thiên về hình thức, chú trọng cơ sở vật chất hơn là đời sống tinh thần và sự đa dạng văn hóa.

1.1.3. Các nghiên cứu về di sản văn hóa trên địa bàn huyện Đông Anh

Vùng đất Đông Anh đã thu hút nhiều nghiên cứu về lịch sử và văn hóa địa phương. Một số nghiên cứu nhân học và quản lý di sản gần đây phân tích sự biến đổi không gian văn hóa, đời sống tín ngưỡng và công tác quản lý di tích trong bối cảnh đô thị hóa. Đồng thời, chính quyền huyện cũng triển khai các đề án bảo tồn và phát huy di sản nhằm gắn kết các giá trị văn hóa truyền thống với quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

1.1.4. Nhận xét về các công trình được tổng quan và các vấn đề đặt ra

- Các nghiên cứu về di sản văn hóa hiện nay khá đồ sộ, được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau và đề cập đến đa dạng các vấn đề, từ lý luận đến thực tiễn. Các học giả không chỉ tập trung vào khái niệm, cách tiếp cận và vai trò của di sản trong phát triển kinh tế - xã hội, mà còn phân tích sâu mối quan hệ giữa di sản với chính sách nhà nước, quá trình bảo tồn và phát huy giá trị trong bối cảnh biến động xã hội. Dù tiếp cận từ những phương diện khác nhau, điểm chung của các công trình này là đều đặt di sản văn hóa vào trong dòng chảy lịch sử - xã hội của Việt Nam, từ thời kỳ kháng chiến chống Pháp, cải cách ruộng đất đến giai đoạn Đổi mới và hiện nay - khi đất nước đang đẩy

mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Ở cả phạm vi trong nước và quốc tế, chủ đề phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới thu hút được sự quan tâm của nhiều học giả, thể hiện qua số lượng nghiên cứu phong phú với các tiếp cận đa ngành như chính sách công, luật học, kinh tế học, xã hội học, v.v. Tuy nhiên, nghiên cứu về xây dựng nông thôn mới từ góc độ văn hóa học vẫn còn hạn chế, đặc biệt là khi đặt trọng tâm vào vấn đề di sản văn hóa.

- Việc tiếp cận di sản văn hóa trong mối quan hệ với diễn ngôn phát triển, chính sách nông thôn mới và quyền lực diễn ngôn không chỉ góp phần làm phong phú thêm hướng nghiên cứu về di sản, mà còn giúp lý giải cách thức mà các giá trị, ký ức và thực hành văn hóa được định nghĩa, điều chỉnh và tái hiện trong bối cảnh hiện đại hóa từ trên xuống.

1.2. Cơ sở lý luận

1.2.1. Các khái niệm

Di sản văn hóa

Trong phạm vi luận án này, *di sản văn hóa được NCS tiếp cận như một quá trình văn hóa - xã hội đang diễn ra, trong đó các giá trị, thực hành, không gian, thiết chế và biểu tượng từ quá khứ được cộng đồng nhận diện, gán giá trị và ý nghĩa, đồng thời duy trì, thực hành, trao truyền và/hoặc điều chỉnh như những giá trị cần được tiếp nối trong đời sống hiện tại.* Với cách hiểu này, luận án không giới hạn di sản văn hóa chỉ ở trong phạm vi các đối tượng đã được nhà nước công nhận theo cơ chế pháp lý, nhưng cũng không cho rằng tất cả các yếu tố được truyền lại từ quá khứ là di sản.

Nông thôn mới

Văn minh

Đạo đức

1.2.2. Các quan điểm lý thuyết

Như đã trình bày, thay vì coi di sản là một thực thể khách quan, cố định và được thừa nhận bởi các thiết chế nhà nước, nghiên cứu này tiếp cận di sản như một quá trình văn hóa - xã hội, trong đó những giá trị văn hóa được các chủ thể lựa chọn, diễn giải, thực hành, trao truyền và tái định hình trong những điều kiện xã hội cụ thể. Theo đó, di sản không chỉ được hình thành thông qua cơ chế công nhận và thể chế hóa của nhà nước mà còn được tạo lập và duy trì trong đời sống thường nhật của cộng đồng. Các không gian làng, thiết chế văn hóa, phong tục tập quán được lựa chọn và không ngừng được diễn giải, thương lượng, tái định hình bởi cả nhà nước và các chủ thể liên quan. Trên cơ sở đó, luận án vận dụng kết hợp các cách tiếp cận về diễn ngôn phát triển của Escobar, diễn ngôn di sản được ủy quyền (AHD), di sản là một quá trình văn hóa - xã hội của L. Smith và di sản theo cách khác của Bigenho và Storbart. Sự kết hợp này cho phép luận án xem xét cách các chương trình phát triển và quan hệ quyền lực - tri thức tham gia vào quá trình định hình di sản, cũng như cách thức cộng đồng tiếp tục thực hành, duy trì, tái cấu trúc những giá trị gắn với đời sống của mình.

1.3. Bối cảnh nghiên cứu và địa bàn nghiên cứu

1.3.1. Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới - sự tiếp nối các chương trình phát triển nông thôn

Khái niệm "nông thôn mới" đã xuất hiện từ những năm 1960, gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn xã hội chủ nghĩa thông qua cải tạo quan hệ sản xuất và tổ chức lại sản xuất nông nghiệp. Sau Đổi mới, đặc biệt từ các chính sách Khoán 100 và Khoán 10, kinh tế hộ gia đình được khẳng định là đơn vị sản xuất cơ bản, tạo động lực cho phát triển

nông thôn. Từ cuối thập niên 1990, các chính sách phát triển bắt đầu hướng tới cách tiếp cận toàn diện hơn, kết hợp phát triển kinh tế với cải thiện hạ tầng, đời sống xã hội và văn hóa. Hiện nay, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới được triển khai với hệ thống tiêu chí cụ thể nhằm phát triển đồng bộ hạ tầng kinh tế – xã hội, nâng cao thu nhập và chất lượng sống của người dân, đồng thời thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế, bảo vệ môi trường và gìn giữ bản sắc văn hóa nông thôn.

Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới gồm 19 tiêu chí được duy trì qua các giai đoạn (2010-2015, 2016-2020, 2021-2025), đóng vai trò cốt lõi trong định hướng hiện đại hóa nông thôn. Các tiêu chí bao quát năm lĩnh vực: quy hoạch, hạ tầng kinh tế - xã hội, kinh tế và tổ chức sản xuất, văn hóa - xã hội - môi trường và hệ thống chính trị. có thể thấy rằng bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới không chỉ đơn thuần là một tập hợp các yêu cầu về hạ tầng, kinh tế và môi trường, mà còn là một công cụ chính sách quan trọng "nhằm mục đích thay thế hoặc bổ sung các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường "không đầy đủ", cũng như cơ sở hạ tầng và tiện nghi hiện tại, bằng các yếu tố mới được coi là "hiện đại" và "tiến bộ" hơn" [239: tr.49]. Việc quy hoạch lại không gian, thiết lập các thiết chế văn hóa mới và chuẩn hóa các thực hành văn hóa đã góp phần tái định hình nông thôn theo mô hình hiện đại, nhưng vẫn nằm trong quỹ đạo của định hướng xã hội chủ nghĩa, nơi nhà nước giữ vai trò trung tâm trong giám sát và điều chỉnh các chuẩn mực xã hội. Nhìn tổng thể, quá trình xây dựng nông thôn mới không chỉ hướng đến phát triển hạ tầng hay nâng cao đời sống kinh tế, mà còn là một quá trình cải biến xã hội, tạo ra một nông thôn vừa hiện đại, vừa mang dấu ấn của sự kiểm soát và định hướng từ nhà nước. Có thể xem đó là sự tiếp nối của tư tưởng hiện đại

hóa nông thôn theo tinh thần xã hội chủ nghĩa, được triển khai theo những phương thức linh hoạt và phù hợp với bối cảnh mới.

1.3.2. Quá trình xây dựng nông thôn mới tại địa bàn nghiên cứu

Từ năm 2011, các xã Kim và An (huyện Đông Anh, Hà Nội) triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới theo các đề án được phê duyệt giai đoạn 2011–2015, định hướng đến 2020. quá trình xây dựng nông thôn mới ở làng Kim và làng An diễn ra trong bối cảnh chung của xã, của huyện và gắn liền với định hướng phát triển nông thôn mới của thành phố Hà Nội. Sau hơn 15 năm thực hiện chương trình, những thay đổi nhận thấy rõ nhất tại các địa phương này là sự thay đổi về hạ tầng, về không gian, cảnh quan làng. Quá trình thực hiện huy động nguồn lực từ ngân sách, đấu giá đất và đóng góp của người dân thông qua phương châm "nhà nước và nhân dân cùng làm". Sau khi đạt chuẩn nông thôn mới (2015-2016), các địa phương tiếp tục hướng đến nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu gắn với mục tiêu đưa Đông Anh lên quận. Chương trình đã làm thay đổi mạnh mẽ hạ tầng, cảnh quan và thiết chế văn hóa cùng các thực hành văn hóa tại địa phương.

Tiểu kết chương 1

Chương trình MTQGXDNTM được hình thành qua nhiều giai đoạn chính sách, từ cải cách nông thôn thời bao cấp, các chương trình phát triển giai đoạn đổi mới đến khi chính thức triển khai từ năm 2010 theo Quyết định 800/QĐ-TTg. Trong quá tình triển khai, bộ tiêu chí nông thôn mới liên tục được điều chỉnh theo hướng nâng cao và kiểu mẫu, phản ánh xu hướng hiện đại hóa và đô thị hóa nông thôn. Tại huyện Đông Anh, chương trình được thực hiện trong bối cảnh địa phương định hướng chuyển từ huyện lên quận của Hà Nội. Vì vậy, xây dựng nông thôn mới không chỉ cải thiện kinh tế - hạ tầng mà còn góp

phần tái cấu trúc không gian nông thôn và định hình lại các yếu tố văn hóa, di sản theo chuẩn mực "văn minh, hiện đại".

CHƯƠNG 2: KHÔNG GIAN LÀNG TRONG BỐI CẢNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

2.1. Không gian làng truyền thống

Trước khi triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới, không gian làng ở Kim và An vẫn mang đậm đặc trưng truyền thống của làng quê Bắc Bộ với đường đất, ngõ gạch, ao chuôm, lũy tre, cổng làng và các công trình tín ngưỡng. Từ đầu những năm 2000, quá trình công nghiệp hóa và thu hồi đất nông nghiệp đã làm đời sống kinh tế người dân khá lên và kéo theo những thay đổi ban đầu trong cảnh quan làng. Các biến đổi này chủ yếu mang tính tự phát như san lấp ao, phá lũy tre, xây tường rào và cải tạo một số tuyến đường. Dù vậy, cấu trúc không gian truyền thống và các yếu tố cảnh quan đặc trưng vẫn còn hiện diện khá rõ.

2.2. Tổ chức không gian làng theo các tiêu chí xây dựng nông thôn mới

2.2.1. Không gian công cộng

2.2.1.1. Đường làng, ngõ xóm, ao hồ: tổ chức lại không gian giao thông và cảnh quan

Quá trình xây dựng nông thôn mới ở làng Kim và làng An đã làm biến đổi rõ rệt cảnh quan làng quê, đặc biệt ở hệ thống đường làng, chiếu sáng và ao hồ. Việc mở rộng, bê tông hóa và thảm nhựa các tuyến đường gắn với sự tham gia của người dân thông qua hiến đất, đồng thời tạo ra những thương lượng lợi ích liên quan đến giá trị đất đai và sinh kế. Hệ thống chiếu sáng và các yếu tố trang trí đô thị góp phần định hình hình ảnh nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp nhưng

cũng làm thay đổi cách người dân cảm nhận không gian sống. Trong khi đó, nhiều ao hồ truyền thống bị san lấp hoặc cải tạo thành công viên, sân thể thao và điểm sinh hoạt cộng đồng, phản ánh quá trình tái cấu trúc không gian tự nhiên theo định hướng hiện đại hóa và đô thị hóa nông thôn.

2.2.1.2. Cổng làng: từ không gian văn hóa đến biểu tượng của nông thôn mới

Cổng làng từng là ranh giới văn hóa và biểu tượng của cộng đồng làng truyền thống. Trong quá trình xây dựng nông thôn mới, nhiều cổng làng bị phá bỏ để mở rộng đường giao thông, sau đó được xây dựng lại với quy mô lớn và kiến trúc mang sắc thái "cổ phong". Việc tái thiết cổng làng vừa thể hiện nỗ lực khôi phục biểu tượng không gian làng, vừa gắn với các phong trào xây dựng "làng văn hóa" và tiêu chí làm đẹp cảnh quan nông thôn. Tuy nhiên, quá trình này cũng bộc lộ những khác biệt trong quan niệm: chính quyền coi cổng làng như một yếu tố trong chiến lược chuẩn hóa cảnh quan và phát triển, trong khi nhiều người dân mong muốn cổng làng thể hiện bản sắc riêng của cộng đồng. Những tranh luận quanh tên gọi, khẩu hiệu trên cổng làng cho thấy sự đan xen giữa bảo tồn biểu tượng truyền thống và các yêu cầu quản lý, phát triển hiện đại

2.2.2. Không gian cư trú

2.2.2.1. Nhà ở: từ ngôi nhà truyền thống đến không gian sống hiện đại

Cùng với đô thị hóa, hiện đại hóa, quá trình xây dựng nông thôn mới đã thúc đẩy những biến đổi rõ rệt trong không gian cư trú của các làng ở Đông Anh. Từ những ngôi nhà truyền thống mái ngói, bố cục nhà - sân - vườn tách biệt, người dân dần chuyển sang xây dựng nhà tầng kiên cố với kiến trúc hiện đại, tích hợp các không gian sinh hoạt

và tiện nghi bên trong. Sự thay đổi này gắn với chuyển dịch kinh tế, nhu cầu cho thuê nhà trọ và cải thiện hạ tầng. Đồng thời, việc đánh số nhà, đặt tên ngõ đã đưa không gian làng vào hệ thống quản lý hành chính hiện đại, làm thay đổi cách người dân nhận thức về ngôi nhà từ nơi cư trú truyền thống sang một "địa chỉ" trong mạng lưới quy hoạch đô thị.

2.2.2.2. Sân, vườn và công trình phụ trợ: sự thích ứng với nhu cầu sống mới

Việc mở rộng và nâng cấp đường làng trong chương trình xây dựng nông thôn mới đã kéo theo nhiều thay đổi trong không gian cư trú của các hộ gia đình. Sau khi hiến đất làm đường, nhiều gia đình phải xây lại tường rào, nâng nền sân và sửa cổng để phù hợp với cao độ mới của mặt đường, kéo theo những chi phí không nhỏ, đặc biệt đối với các hộ có thu nhập thấp. Tuy vậy, quá trình này cũng trở thành dịp để một số gia đình chỉnh trang lại sân vườn, trồng cây, cải tạo cảnh quan. Đồng thời, các quy định về xây dựng gia đình văn hóa và cải tạo vườn tạp cũng góp phần định hình lại cách quy hoạch khuôn viên nhà ở. Hệ quả là không gian sân vườn truyền thống dần thu hẹp, nhường chỗ cho các công trình nhà ở và mục đích kinh tế, kéo theo những thay đổi trong đời sống và cảm nhận của người dân về môi trường sống nông thôn.

Tiểu kết chương 2

Quá trình xây dựng nông thôn mới đã làm thay đổi sâu sắc diện mạo không gian làng quê ở huyện Đông Anh cũng như nhiều vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ. Dưới tác động của các tiêu chí về hạ tầng, môi trường và cảnh quan, những yếu tố gắn với làng truyền thống như cổng làng, ao hồ, đường đất hay hàng rào cây xanh được cải tạo và tái

cấu trúc theo hướng khang trang, hiện đại hơn. Sự chuyển đổi này không chỉ phản ánh mục tiêu hiện đại hóa nông thôn mà còn cho thấy quá trình tái định nghĩa không gian sống theo các chuẩn mực phát triển mới. Bên cạnh những tác động tích cực như cải thiện điều kiện sống, nâng cao chất lượng môi trường và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, quá trình này cũng đặt ra những căng thẳng giữa việc bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống với yêu cầu chuẩn hóa cảnh quan. Không gian làng dần được kiến tạo theo các tiêu chí "sáng - xanh - sạch - đẹp", trở thành đối tượng của quy hoạch, quản lý và đánh giá hơn là chỉ đơn thuần phục vụ đời sống cộng đồng. Vì vậy, không gian nông thôn không còn chỉ là nơi lưu giữ ký ức và bản sắc địa phương mà còn được định hình như một biểu tượng của sự phát triển, thể hiện hình ảnh một địa phương văn minh, đạt chuẩn và có khả năng cạnh tranh trong bối cảnh phát triển đương đại.

CHƯƠNG 3: THIẾT CHẾ VĂN HÓA TRONG BỐI CẢNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

3.1. Khôi phục không gian thiêng

3.1.1. Đình làng: tái kiến tạo ý nghĩa và chức năng xã hội

Theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, một địa phương được công nhận là nông thôn mới phải có trên 70% số thôn, làng đạt danh hiệu làng văn hóa theo tiêu chuẩn của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch. Để đạt danh hiệu này, ngoài các tiêu chí về kinh tế - xã hội thì làng văn hóa phải "Có nhiều hoạt động đoàn kết giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh và các công trình công cộng; bảo tồn các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống ở địa phương" [151]. Đối với địa phương được công nhận là nông thôn mới nâng cao thì có thêm tiêu chí: "di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định" [214]. Như vậy, chương trình xây dựng nông thôn mới không trực tiếp đặt ra tiêu chí bảo tồn di sản, mà nội dung này chỉ xuất hiện như một phần trong tiêu chí công nhận làng văn hóa và do đó, bảo tồn di sản chỉ là một nhiệm vụ phụ thuộc vào tiêu chí xây dựng làng văn hóa. Tiêu chí xây dựng nông thôn mới hay nông thôn mới nâng cao dù có đề cập đến di sản nhưng không có cơ chế hỗ trợ đối với bảo tồn, tu bổ. Nói cách khác, di sản trở thành một phương tiện, một cách để các địa phương đạt được mục tiêu phát triển của mình, cụ thể là hoàn thành các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới chứ không phải được chú ý bởi ý nghĩa văn hóa nội tại của nó.

3.1.2. Đền, miếu - sự thương thỏa giữa quy hoạch phát triển với đời sống tín ngưỡng

Sau khi đình làng được khôi phục dưới danh nghĩa trung tâm

sinh hoạt cộng đồng, người dân chủ động phục hồi lễ hội, nghi lễ và các thực hành tín ngưỡng để từng bước "bóc nhãn" hành chính và tái khẳng định giá trị di sản của di tích. Các lễ hội được tổ chức lại với sự kết hợp giữa nghi thức truyền thống như tế lễ, rước kiệu và những yếu tố mới phù hợp với bối cảnh hiện đại. Bên cạnh đó, các lễ tế định kỳ và thực hành tín ngưỡng thường nhật cũng được phục hồi, góp phần duy trì ký ức tập thể và mối liên kết cộng đồng.

3.2. Phục hồi các thực hành nghi lễ

3.2.1 Lễ hội - từ nghi lễ truyền thống đến sự kiện văn hóa cộng đồng

Sau khi đình làng Kim được khôi phục, cộng đồng từng bước phục dựng các nghi lễ tế định kỳ như tế xuân đinh, thu đinh, lễ thượng điền, hạ điền và các ngày kỵ Thành hoàng dựa trên ký ức của các bậc cao niên và những tư liệu còn lưu giữ. Bên cạnh đó, người dân vẫn duy trì tập quán dâng lễ tại đình vào những dịp quan trọng của gia đình như cưới hỏi, làm nhà, khai trương hay đầu năm để trình báo và cầu xin sự phù hộ của Thành hoàng. Trong thời gian đình làng An bị phá hủy, các nghi lễ được chuyển sang thực hiện tại đền và trở lại đình sau khi công trình được phục dựng, cho thấy tính liên tục của đời sống tín ngưỡng bất chấp sự thay đổi của không gian thờ tự. Cùng với đình làng, các hoạt động dâng lễ, cầu an, cúng sao giải hạn tại đền, chùa và những ngôi miếu nhỏ vẫn được duy trì thường xuyên, ngay cả ở những nơi không thuộc diện được xếp hạng hay đầu tư bảo tồn. Điều đó cho thấy sức sống của di sản không chỉ nằm ở các lễ hội hay di tích được công nhận mà còn được duy trì thông qua các thực hành tín ngưỡng thường nhật của cộng đồng. Trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới, các thực hành này vừa tiếp tục đáp ứng nhu cầu tâm linh, vừa thích ứng với những yêu cầu mới về quản lý và phát triển, góp phần duy trì tính liên tục và sức sống của di sản trong đời sống đương đại.

3.2.2. Nghi lễ dân gian: sự thích ứng với các chuẩn mực mới

Trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới, các nghi lễ dân gian thường nhật ở làng Kim và làng An vẫn được duy trì như một bộ phận quan trọng của đời sống tín ngưỡng cộng đồng. Bên cạnh lễ hội truyền thống, nhiều nghi lễ theo chu kỳ tại đình như tế xuân đinh, thu đinh, lễ thượng điền, hạ điền, ngày kỵ Thành hoàng được phục hồi dựa trên ký ức và sự truyền dạy của các bậc cao niên. Đồng thời, người dân vẫn duy trì tập quán dâng lễ tại đình, đền, chùa, miếu vào các dịp quan trọng của gia đình hoặc các ngày sóc, vọng, cầu an, cầu tài lộc. Ngay cả những ngôi miếu nhỏ chưa được xếp hạng cũng tiếp tục được cộng đồng chăm sóc và thực hành nghi lễ thường xuyên, cho thấy giá trị của các thiết chế tín ngưỡng được duy trì chủ yếu thông qua thực hành xã hội hơn là sự công nhận hành chính. Mặc dù các thiết chế văn hóa ngày càng được lồng ghép vào các mục tiêu phát triển như du lịch, quảng bá địa phương hay xây dựng đời sống văn hóa, chức năng cốt lõi của chúng vẫn là đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng và gắn kết cộng đồng. Qua những thực hành lặp lại trong đời sống hằng ngày, di sản được duy trì như một quá trình sống động, vừa bảo lưu các giá trị truyền thống, vừa linh hoạt thích ứng với những chuẩn mực mới của quá trình xây dựng nông thôn mới.

Tiểu kết chương 3

Qua trường hợp làng Kim và làng An, có thể thấy Chương trình MTQGXDNTM không làm thay thế các thiết chế văn hóa truyền thống bằng những mô hình hiện đại, mà thúc đẩy quá trình tái cấu trúc các thiết chế này thông qua sự tương tác giữa chính sách phát triển và đời sống văn hóa cộng đồng. Đình, đền, miếu được phục hồi và tái định nghĩa chức năng; lễ hội được tổ chức theo hướng văn minh, tiết kiệm và trở thành sự kiện văn hóa của cộng đồng; nhiều nghi lễ dân gian

cũng được điều chỉnh về quy mô, thời gian và hình thức để thích ứng với các chuẩn mực mới. Những biến đổi đó cho thấy thiết chế văn hóa không phải là những thực thể bất biến mà luôn được tái tạo trong bối cảnh kinh tế, xã hội và cơ chế quản trị đương thời. Cộng đồng giữ vai trò chủ động trong quá trình này khi linh hoạt vận dụng chính sách để khôi phục di tích, tổ chức lại lễ hội và duy trì các giá trị có ý nghĩa đối với mình. Điều đó khẳng định di sản là một quá trình văn hóa - xã hội luôn được kiến tạo và tái định nghĩa. Trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới, các thiết chế và thực hành văn hóa vừa trở thành nguồn lực phục vụ phát triển, vừa được điều chỉnh để đáp ứng những chuẩn mực mới về văn minh, bản sắc và phát triển địa phương.

CHƯƠNG 4: THỰC HÀNH VĂN HÓA TRONG BỐI CẢNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

4.1. Thực hành tang ma trước khi xây dựng nông thôn mới

4.2. Thực hành tang ma trong tương tác với các chuẩn mực nông thôn mới

4.2.1. Kiến tạo chuẩn mực về việc tang văn minh

Chương trình MTQGXDNTM kế thừa định hướng "gạn đục khơi trong" của các phong trào xây dựng nếp sống mới trước đây, trong đó tiêu chí số 16 về văn hóa hướng tới xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Theo tiêu chí này, các địa phương phải thực hiện tốt các quy định về việc tang văn minh, loại bỏ các hủ tục, mê tín dị đoan và xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh. Thực tế, chủ trương này đã được đặt ra từ Chỉ thị 27-CT/TW năm 1998 về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Trên cơ sở đó, Bộ Văn hóa - Thông tin ban hành các hướng dẫn vận động người dân từng bước xóa bỏ những tập quán như đội mũ rơm,

chống gậy, lăn đường, khóc mướn, rắc vàng mã dọc đường, đồng thời khuyến khích hỏa táng, quy hoạch nghĩa trang và tổ chức tang lễ tiết kiệm. Bên cạnh tiêu chí số 16, tiêu chí số 17 về môi trường cũng yêu cầu các địa phương quy hoạch nghĩa trang tập trung, hạn chế đốt vàng mã, khuyến khích hỏa táng và bảo vệ môi trường. Tại huyện Đông Anh, các chủ trương này được cụ thể hóa bằng Nghị quyết 30/NQ-HĐND (2008), Kế hoạch 59/KH-UBND và sau đó được đưa vào quy ước xây dựng làng văn hóa với nhiều quy định cụ thể về thời gian tổ chức tang lễ, quy hoạch mộ phần, hạn chế ăn uống linh đình và các nghi thức bị xem là hủ tục. Cùng với sự tuyên truyền của chính quyền và các đoàn thể, việc thực hiện tang văn minh từng bước đi vào đời sống cộng đồng. Theo báo cáo của huyện Đông Anh, nhiều tập quán như lăn đường, khóc mướn, bắc cầu hay rắc vàng mã khi đưa tang hầu như không còn, trong khi tỷ lệ hỏa táng tăng từ 4,7% năm 2006 lên khoảng 97% vào năm 2022. Điều này cho thấy các chuẩn mực về việc tang văn minh đã dần được cộng đồng tiếp nhận và trở thành một phần trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

4.2.2. Thương thỏa với các chuẩn mực của nông thôn mới

4.2.2.1 Điều chỉnh các nghi thức tang ma truyền thống

Tiêu chí số 16 của Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (MTQGXDNTM) tiếp nối định hướng xây dựng nếp sống văn minh đã được triển khai từ phong trào Nếp sống mới những năm 1960 và phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa từ năm 2000. Tiêu chí này yêu cầu các địa phương xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, trong đó có việc thực hiện nếp sống văn minh trong cưới, tang, lễ hội, loại bỏ các hủ tục và mê tín dị đoan. Cùng với tiêu chí số 17 về môi trường, chương trình còn khuyến khích quy hoạch nghĩa trang tập trung, thực hiện hỏa táng, hạn chế đốt và rắc

vàng mã nhằm bảo vệ môi trường và xây dựng không gian nông thôn xanh, sạch, đẹp. Thực tế, chủ trương đổi mới tang lễ đã được đặt ra từ Chỉ thị 27-CT/TW (1998) và các văn bản hướng dẫn sau đó, với mục tiêu bảo tồn những phong tục phù hợp, đồng thời loại bỏ các tập quán bị xem là lạc hậu như lăn đường, khóc mướn, rắc vàng mã dọc đường hay tổ chức cỗ bàn linh đình. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu, hiệu quả còn hạn chế do nhiều phong tục đã ăn sâu vào đời sống cộng đồng. Tại huyện Đông Anh, từ năm 2008, việc thực hiện Nghị quyết 30/NQ-HĐND và Kế hoạch 59/KH-UBND, cùng với quá trình triển khai Chương trình MTQGXDNTM từ năm 2010, đã cụ thể hóa các quy định về tang văn minh thông qua quy ước làng văn hóa. Các quy định như rút ngắn thời gian tổ chức tang lễ, hạn chế nhạc tang, không mời cỗ, khuyến khích hỏa táng và quy hoạch nghĩa trang được phổ biến rộng rãi đến từng thôn, xóm và các đoàn thể. Theo báo cáo của huyện Đông Anh, quá trình này đã góp phần thay đổi đáng kể nhận thức của người dân; nhiều hủ tục dần được loại bỏ, trong khi tỷ lệ hỏa táng tăng từ 4,7% năm 2006 lên 70% năm 2015 và đạt khoảng 97% vào năm 2022, phản ánh sự thẩm thấu ngày càng sâu của các chuẩn mực tang văn minh vào đời sống cộng đồng.

4.2.2.2. Thích ứng với tập quán mai táng mới

Việc chuyển đổi từ địa táng sang hỏa táng là một trong những biểu hiện rõ nét của quá trình điều chỉnh thực hành tang ma dưới tác động của Chương trình MTQGXDNTM. Nếu địa táng trước đây gắn với quan niệm "sinh ký, tử quy", niềm tin về sự toàn vẹn của thân thể và mối liên kết giữa người sống với tổ tiên, thì trong bối cảnh hiện đại, hình thức này ngày càng được nhìn nhận như một thách thức đối với quy hoạch không gian, bảo vệ môi trường và sử dụng đất đai. Thông qua các chính sách khuyến khích hỏa táng, hỗ trợ kinh phí, quy hoạch

nghĩa trang và sự tham gia của ban tang lễ ở cơ sở, chính quyền từng bước thúc đẩy người dân thay đổi tập quán mai táng. Tuy nhiên, sự chuyển đổi này không diễn ra theo hướng thay thế hoàn toàn mà là một quá trình thích ứng và thương thỏa. Người dân chấp nhận hỏa táng nhưng vẫn duy trì nhiều yếu tố cốt lõi của quan niệm truyền thống như giữ lại cốt để an táng tại nghĩa trang của làng, thực hiện các nghi lễ gọi hồn, trình thổ công, nhập mộ và trong nhiều trường hợp vẫn duy trì nghi thức chèo đò đưa linh dưới những hình thức linh hoạt hơn. Đồng thời, việc lựa chọn địa táng ở một số gia đình cho thấy niềm tin tâm linh, di nguyện của người quá cố và quan niệm về đạo hiếu vẫn có sức chi phối mạnh mẽ, ngay cả đối với cán bộ địa phương. Những biến đổi này cho thấy cộng đồng không thụ động tiếp nhận các chuẩn mực mới mà chủ động điều chỉnh, cải biên các nghi lễ để vừa đáp ứng yêu cầu về văn minh, môi trường và quy hoạch, vừa bảo lưu ý nghĩa văn hóa và tâm linh của tang ma. Quá trình này phản ánh sự tái cấu trúc thực hành tang ma như một hình thức thích ứng linh hoạt giữa truyền thống và các mục tiêu phát triển nông thôn mới.

Tiểu kết chương 4

Trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới, tang ma trở thành một lĩnh vực được quản lý và chuẩn hóa thông qua hệ thống chính sách về thực hiện việc tang văn minh. Từ các văn bản của Trung ương đến quy ước xây dựng làng văn hóa ở địa phương, cùng với sự tham gia của Ban tang lễ, chính quyền cơ sở, các đoàn thể và dịch vụ tang lễ, việc tổ chức tang lễ từng bước được đưa vào một khuôn khổ thống nhất, phù hợp với mục tiêu xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn. Sau hơn một thập niên triển khai, nhiều chuẩn mực mới đã dần được cộng đồng chấp nhận. Người dân ngày càng chủ động lựa chọn tổ chức tang lễ gọn nhẹ, hạn chế ăn uống, thực hiện hỏa táng và sử dụng dịch vụ

tang lễ không chỉ vì yêu cầu của chính quyền mà còn vì nhận thấy những hình thức này phù hợp với điều kiện sống hiện nay, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và góp phần bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, sự tiếp nhận các chuẩn mực mới không đồng nghĩa với việc từ bỏ truyền thống. Kết quả nghiên cứu tại làng Kim và làng An cho thấy cộng đồng luôn chủ động thương thỏa giữa yêu cầu của nếp sống văn minh với hệ thống niềm tin và giá trị văn hóa sẵn có. Một số nghi lễ bị xem là rườm rà hoặc không còn phù hợp được giản lược, trong khi các nghi thức mang ý nghĩa tâm linh vẫn tiếp tục được duy trì hoặc điều chỉnh dưới những hình thức mới, như thay vàng mã bằng cánh hoa cúc hoặc tăng cường các nghi lễ cầu siêu sau đám tang. Điều này cho thấy quá trình tái cấu trúc tang ma không phải là sự thay thế giữa truyền thống và hiện đại, mà là sự thích ứng linh hoạt của cộng đồng, qua đó các giá trị văn hóa được tái tạo và tiếp tục tồn tại trong bối cảnh đương đại.

CHƯƠNG 5: DI SẢN VĂN HÓA TRONG KIẾN TẠO HÌNH ẢNH NÔNG THÔN MỚI: DIỄN NGÔN, QUYỀN LỰC VÀ SỰ THƯƠNG THỎA

5.1. Di sản văn hóa trong diễn ngôn của nhà nước - nhìn từ chương trình MTQGXDNTM

5.1.1. Di sản văn hóa trong diễn ngôn của nhà nước và cách hiểu của cộng đồng

Nhận thức về di sản văn hóa thay đổi theo bối cảnh lịch sử và chính trị. Trong diễn ngôn của nhà nước, di sản thường được xác lập thông qua hệ thống tiêu chí, danh mục và sự công nhận chính thức, gắn với những giá trị được xem là tiêu biểu, văn minh và phù hợp với định hướng phát triển. Trong bối cảnh chương trình xây dựng nông thôn mới, cách tiếp cận này khiến một số yếu tố văn hóa được lựa chọn, chuẩn hóa và khuyến khích bảo tồn, trong khi những thực hành khác bị điều chỉnh hoặc thu hẹp. Ngược lại, đối với cộng đồng địa phương, di sản được hiểu rộng hơn như những thực hành, ký ức và phong tục được truyền lại và tiếp tục duy trì trong đời sống. Vì vậy, di sản không phải là một thực thể cố định, mà luôn được tái tạo và thương thỏa giữa diễn ngôn quản lý và thực hành của cộng đồng.

5.1.2. Di sản được quy hoạch hóa để phục vụ các tiêu chí xây dựng nông thôn mới

Chương trình xây dựng nông thôn mới đã đưa di sản văn hóa vào khuôn khổ quy hoạch phát triển, khiến di sản không còn chỉ là thực hành sống của cộng đồng mà trở thành các hạng mục có thể đo lường, quản lý và phục vụ mục tiêu hành chính. Không gian làng, cảnh quan, thiết chế văn hóa và phong tục tập quán đều được tái cấu trúc để đáp ứng các tiêu chí về hạ tầng, môi trường và nếp sống văn minh. Việc đầu tư cho di sản diễn ra theo logic phát triển từng giai đoạn: có

thời kỳ ưu tiên hạ tầng thiết yếu, sau đó quay lại đầu tư đình, chùa, đền khi di sản được xem là nguồn lực cho du lịch, công nghiệp văn hóa và quá trình đô thị hóa. Trong bối cảnh này, di sản bước vào một "giai đoạn di sản", nơi ký ức và biểu tượng văn hóa được lựa chọn, phục dựng và khai thác nhằm phục vụ chiến lược kinh tế - dịch vụ và xây dựng hình ảnh nông thôn mới. Đồng thời, các thực hành văn hóa như lễ hội, tang ma, cưới hỏi… được chuẩn hóa theo quy định. Quá trình quy hoạch hóa này phản ánh một cơ chế quyền lực mang tính gia trưởng, trong đó nhà nước vừa bảo tồn vừa định hướng lại di sản, sử dụng nó như công cụ quản lý không gian, đời sống văn hóa và bản sắc cộng đồng.

5.1.3. Di sản được văn minh hóa để định hình các giá trị thẩm mỹ của nông thôn mới

Trong chương trình xây dựng nông thôn mới, di sản văn hóa được "văn minh hóa" nhằm định hình các chuẩn mực thẩm mỹ và lối sống của nông thôn hiện đại. "Văn minh" được hiểu không chỉ là cải thiện vật chất mà còn là thay đổi ý thức: loại bỏ những yếu tố bị coi là lạc hậu, mê tín, hướng tới lối sống gọn gàng, tiết kiệm, tuân thủ quy ước cộng đồng. Vì vậy, cùng với quy hoạch không gian làng, các thực hành văn hóa như lễ hội, tang ma, sinh hoạt cộng đồng cũng được chuẩn hóa theo tiêu chí "gọn gàng, sạch đẹp, văn minh". Lễ hội được rút ngắn và kịch bản hóa; các trò diễn dân gian dần thay bằng hoạt động văn nghệ, thể thao; nhiều nghi thức và phong tục được giản lược. Quá trình này vừa tạo nên trật tự và diện mạo mới cho nông thôn, vừa có nguy cơ làm phẳng sự đa dạng văn hóa và làm suy giảm tính thiêng, tính gắn kết cộng đồng. Tuy nhiên, trên thực tế, người dân không thụ động tiếp nhận mà linh hoạt thương lượng giữa yêu cầu chính sách và nhu cầu bảo tồn truyền thống. Vì vậy, văn minh hóa không hoàn toàn

là quá trình áp đặt từ trên xuống, mà là sự tương tác giữa diễn ngôn phát triển và thực hành văn hóa địa phương.

5.1.4. Di sản được đạo đức hóa để trở thành công cụ quản trị nông thôn mới

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới không chỉ hướng tới cải thiện hạ tầng và điều kiện vật chất, mà còn can thiệp sâu vào đời sống văn hóa của cộng đồng nông thôn. Trong quá trình đó, nhiều thực hành văn hóa và yếu tố di sản dần được hành chính hóa và tích hợp vào hệ thống tiêu chí đánh giá như văn minh, sạch sẽ, tiết kiệm, lành mạnh. Các tiêu chí tưởng chừng mang tính kỹ thuật như vệ sinh môi trường, tang văn minh, cưới tiết kiệm, gia đình văn hóa hay cảnh quan sáng - xanh - sạch - đẹp thực chất trở thành công cụ định hướng hành vi và chuẩn hóa hệ giá trị của cộng đồng.

Thông qua các thiết chế như nhà văn hóa, danh hiệu làng văn hóa, gia đình văn hóa và các cơ chế thi đua, đời sống văn hóa của người dân được tổ chức, giám sát và đánh giá theo những chuẩn mực mới. Nhiều thực hành truyền thống được điều chỉnh, rút gọn hoặc sắp xếp lại để phù hợp với tiêu chí văn minh và tiến bộ, đồng thời được định lượng hóa bằng các chỉ số cụ thể. Tuy nhiên, quá trình này không hoàn toàn mang tính áp đặt, bởi những thay đổi về hạ tầng, môi trường và tổ chức đời sống cũng đáp ứng một phần nhu cầu thực tế của người dân. Vì vậy, sự biến đổi của di sản văn hóa trong bối cảnh nông thôn mới có thể được hiểu như kết quả của quá trình tương tác và thương thỏa giữa mục tiêu phát triển của nhà nước và kỳ vọng của cộng đồng địa phương.

5.2. Di sản văn hóa trong mối tương tác giữa các chủ thể

5.2.1. Di sản trong sự tương tác giữa các khuôn khổ đạo đức

Di sản văn hóa không chỉ là tập hợp những phong tục hay tập

quán cần được bảo tồn hoặc cải cách, mà còn là một không gian đạo đức, nơi các hệ giá trị khác nhau cùng tồn tại, va chạm và cạnh tranh trong bối cảnh xã hội chuyển đổi. Những thực hành văn hóa như lễ hội, thờ cúng tổ tiên, tang ma hay tổ chức không gian làng không đơn thuần phản ánh truyền thống mà còn thể hiện những lựa chọn đạo đức của cá nhân và cộng đồng trước các chuẩn mực giá trị khác nhau. Trong đời sống nông thôn đương đại, người dân thường phải dung hòa giữa hai hệ chuẩn đạo đức song song. Một mặt là các giá trị truyền thống đề cao đạo hiếu, nghĩa vụ với gia đình, dòng họ và cộng đồng; mặt khác là các chuẩn mực do nhà nước định hướng, nhấn mạnh nếp sống văn minh, tiết kiệm, vệ sinh, khoa học và trách nhiệm công dân. Chính sự tồn tại đồng thời của hai hệ giá trị này khiến nhiều thực hành văn hóa trở thành nơi diễn ra những lựa chọn và thương lượng đạo đức trong đời sống hằng ngày. Chương trình MTQGXDNTM đã mở rộng phạm vi của các chuẩn mực này từ nghi lễ sang nhiều phương diện khác của đời sống như cảnh quan, vệ sinh môi trường, danh hiệu văn hóa và các hình thức thi đua cộng đồng. Thông qua đó, chương trình không chỉ điều chỉnh hành vi mà còn góp phần định hình những quan niệm về điều gì được xem là văn minh, phù hợp hay có giá trị trong đời sống nông thôn. Vì vậy, di sản không chỉ phản ánh quá khứ mà còn là không gian nơi các chuẩn mực đạo đức và bản sắc văn hóa liên tục được xác lập, điều chỉnh và tái định nghĩa.được thương lượng, tái diễn giải và tái tạo trong đời sống đương đại.

5.2.2. Di sản trong quá trình thương thỏa và tái tạo bản sắc

Di sản văn hóa không chỉ là sự lưu giữ quá khứ mà còn là không gian diễn ra quá trình thương thỏa, nơi cộng đồng liên tục tái diễn giải và tái tạo các giá trị văn hóa trong bối cảnh hiện tại. Vì vậy, bản sắc không phải là thuộc tính cố định của các địa điểm hay thực

hành văn hóa, mà được hình thành thông qua sự tương tác giữa cộng đồng, nhà nước và các thiết chế xã hội. Trong Chương trình MTQGXDNTM, các giá trị văn hóa được chuyển hóa thành những tiêu chí và chuẩn mực quản trị nhằm định hướng quá trình phát triển nông thôn. Tuy nhiên, nghiên cứu tại làng Kim và làng An cho thấy người dân không tiếp nhận các chuẩn mực này một cách thụ động mà chủ động diễn giải, điều chỉnh và vận dụng chúng để duy trì những giá trị có ý nghĩa đối với cộng đồng. Việc xây dựng các thiết chế mới nhưng vẫn bảo lưu chức năng của đình làng, hay sự tiếp tục duy trì các không gian tín ngưỡng và thực hành dân gian ngoài khuôn khổ di sản được công nhận, cho thấy di sản luôn được kiến tạo trong đời sống thường nhật. Điều đó khẳng định rằng phát triển và bảo tồn không phải là hai quá trình đối lập; khi cộng đồng được tham gia vào quá trình thương thỏa và tạo nghĩa, di sản văn hóa có thể trở thành nguồn lực để vừa khẳng định bản sắc, vừa thích ứng với những yêu cầu của phát triển đương đại.

Tiểu kết chương 5

Trong phạm vi của một chương trình phát triển như chương trình MTQGXDNTM, di sản văn hóa được xác định như một nguồn lực phục vụ cho mục tiêu hiện đại hóa và xây dựng đời sống văn hóa mới. Do đó, di sản cần phải có giá trị lịch sử, thẩm mỹ, thể hiện được truyền thống dân tộc, góp phần kiến tạo hình ảnh nông thôn mới - hiện đại, văn minh, giàu bản sắc. Trong khi đó, đối với người dân làng Kim, làng An, di sản được hiểu và thực hành như những gì gắn bó mật thiết với ký ức, phong tục và niềm tin, di sản cũng không chỉ là những gì được công nhận, xếp hạng mà là một phần của đời sống thường nhật. Trong quá trình xây dựng nông thôn mới, di sản cũng được quy hoạch hóa, văn minh hóa và đạo đức hóa để đáp ứng các tiêu chí của chương

trình phát triển, từ quy hoạch các không gian vật chất, chuẩn hóa các thực hành văn hóa đến định hình các giá trị đạo đức mới cho cộng đồng. Tuy nhiên, quá trình này không diễn ra trong im lặng hay một chiều. Người dân không tiếp nhận các khuôn mẫu văn hóa một cách thụ động, mà thường xuyên thương lượng và điều chỉnh để thích nghi với yêu cầu từ trên xuống, đồng thời vẫn duy trì những thực hành gắn bó sâu sắc với đời sống tinh thần, tín ngưỡng và bản sắc của cộng đồng.

KẾT LUẬN

1. Chương trình MTQGXDNTM với định hướng "không có điểm kết thúc" đã tạo ra một hệ thống tiêu chí liên tục được nâng cao, thúc đẩy các địa phương không ngừng cải tạo hạ tầng và điều chỉnh đời sống văn hóa. Kết quả nghiên cứu cho thấy nông thôn mới không chỉ tạo ra những thay đổi về điều kiện vật chất, hạ tầng cơ sở, mà còn hình thành nên một môi trường diễn ngôn, thể chế và thực hành mới. Trong đó, các giá trị, không gian, thiết chế và thực hành được nhìn nhận, đánh giá theo những cách thức mới.

2. Luận án cho thấy cộng đồng địa phương không phải là đối tượng thụ động tiếp nhận chính sách mà là chủ thể tích cực tham gia diễn giải và tái kiến tạo di sản. Thông qua việc điều chỉnh hình thức, ý nghĩa và cách thức tổ chức các thực hành văn hóa, cộng đồng liên tục thương thỏa với các yêu cầu của chương trình xây dựng nông thôn mới. Vì vậy, di sản được hình thành từ quá trình tương tác và thương thỏa giữa diễn ngôn phát triển của nhà nước với thực hành văn hóa của cộng đồng.

3. Luận án góp phần khẳng định cách tiếp cận di sản phê phán (Critical Heritage Studies) trong nghiên cứu nông thôn Việt Nam. Theo đó, di sản không được nhìn nhận như những đối tượng có giá trị

cố định cần bảo tồn, mà là một quá trình văn hóa - xã hội luôn vận động, được tạo nghĩa và tái tạo thông qua sự tương tác giữa nhà nước, cộng đồng và các chương trình phát triển. Cách tiếp cận này mở rộng nghiên cứu di sản từ các đối tượng được công nhận sang các quá trình kiến tạo di sản trong đời sống đương đại.

4. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự khác biệt giữa làng đang xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu và làng đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao không rõ như giả thuyết ban đầu. Nguyên nhân là cả hai địa bàn đều chịu tác động đồng thời của Chương trình MTQGXDNTM và quá trình đô thị hóa ở Đông Anh. Trong bối cảnh đó, hệ thống tiêu chí và chuẩn mực phát triển đã tạo ra xu hướng tương đồng trong việc tổ chức không gian, thiết chế và thực hành di sản, dù mỗi địa phương vẫn duy trì những nét riêng về lịch sử và bản sắc văn hóa.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ
LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN
"Di sản văn hóa trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới (nghiên cứu một số làng ở Đông Anh - Hà Nội)"

1. Lê Thị Phượng (2023), "Tiếp nối giá trị văn hóa truyền thống trong bối cảnh hiện đại hóa (nghiên cứu ở làng Nhạn Tái, Đông Anh, Hà Nội)", tạp chí *Văn hóa học*, số 2, tr. 45-53, ISSN 1859-4859.
2. Lê Thị Phượng (2023), "Không gian cư trú ở nông thôn trong bối cảnh hiện đại hóa nhìn từ tính liên tục nông thôn - đô thị (nghiên cứu ở làng Kim, huyện Đông Anh, Hà Nội)", tạp chí *Nghiên cứu Văn hóa Việt Nam*, số 2, tr. 54-63, ISSN 3030-4121.
3. Lê Thị Phượng (2024), "Nông thôn mới và việc định hình không gian nông thôn Việt Nam đương đại (nghiên cứu ở làng Kim, huyện Đông Anh, Hà Nội)", tạp chí *Văn hóa học*, số 2, tr. 90-100, ISSN 1859-4859.
4. Lê Thị Phượng (2024), "Sự thích ứng của người dân với tiêu chí nông thôn mới: nhìn từ thực hành tang ma ở một làng ngoại thành Hà Nội", tạp chí *Nghiên cứu Văn hóa Việt Nam*, số 4, tr. 71-80, ISSN 3030-4121.
5. Lê Thị Phượng (2025), "Khôi phục đình làng trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới (trường hợp một số làng ở Đông Anh, Hà Nội)", tạp chí *Văn hóa học*, số 1, tr. 46-56, ISSN 1859-4859.
6. Lê Thị Phượng (2025), "Nhà văn hóa và quá trình kiến tạo cộng đồng "có văn hóa" trong xây dựng nông thôn mới", Tạp chí *Nghiên cứu Văn hóa Việt Nam*, số 3, tr.13-23.